

## **KẾ HOẠCH**

### **Nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh năm 2018**

#### **I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC) CỦA TỈNH NĂM 2017:**

Kết quả xếp hạng chỉ số CCHC năm 2017 được triển khai thực hiện theo Quyết định số 2948/QĐ-BNV ngày 28/12/2017 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Đề án “Xác định chỉ số CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”. Bộ chỉ số CCHC (PAR INDEX) có 2 phần (Phần đánh giá kết quả CCHC 62 điểm và phần đánh giá tác động của CCHC 38 điểm) được xác định trên 8 lĩnh vực, 38 tiêu chí, 81 tiêu chí thành phần (TCTP), với thang điểm đánh giá là 100 điểm.

Kết quả chỉ số CCHC năm 2017 của tỉnh đạt 79,86/100 điểm, xếp vị thứ 23/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó:

- Phần đánh giá kết quả thực hiện CCHC đạt được 49,05/62 điểm và Phần đánh giá tác động của CCHC đạt được 30,81/38 điểm.

- Có 56 TCTP đạt điểm tối đa (với tổng số điểm là 41 điểm) và có 25 TCTP chưa đạt điểm tối đa (với tổng số điểm là 14,55/27 điểm, trừ 12,45 điểm), do tỉnh chưa triển khai thực hiện hoặc có thực hiện nhưng chưa đúng tiến độ.

- Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học đạt 28,31/34,5 điểm, trong đó: Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (chỉ số SIPAS) đạt 12/12 điểm; Khảo sát công chức, lãnh đạo quản lý đạt: 16,31/22,5 điểm.

Cụ thể các điểm bị trừ tại các lĩnh vực là:

a) *Lĩnh vực công tác chỉ đạo, điều hành CCHC*: Tỉnh đạt 8,5/10 điểm, được xếp nhóm dẫn đầu (xếp thứ 6/63 và có 6 tỉnh, thành phố cùng vị thứ), bị trừ 1,5 điểm tại 02 TCTP:

+ TCTP 1.2 “Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ” đạt 2,0/3,0 điểm, do Sở Thông tin và Truyền thông chưa tham mưu kịp thời báo cáo Ứng dụng CNTT quý II, III và báo cáo năm: tỉnh báo cáo quý II ngày 12/6/2017 (theo quy định là trước ngày 10/6); báo cáo quý III ngày 22/9/2017 (theo quy định là trước ngày 10/9); báo cáo năm ngày 07/12/2017, (theo quy định là trước ngày 05/12);

+ TCTP 1.6 “Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao” đạt 0,5/1,0 điểm do theo Báo cáo số 1270/NC-TTg ngày 27/12/2017 của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh đã hoàn thành nhưng còn 08 nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ.

b) *Lĩnh vực xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) tại tỉnh*: Tỉnh đạt 4,86/5,0 điểm, xếp vị thứ 40/63 tỉnh, thành phố), bị trừ 0,14 điểm tại TCTP 2.3 “Xử lý văn bản trái pháp luật phát hiện qua kiểm tra”, do Sở Tư pháp chưa hoàn thành dứt điểm việc xử lý, kiến nghị xử lý qua kiểm tra: có 119/131 văn bản trái pháp luật đã được xử lý, kiến nghị xử lý.

c) *Lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính (TTHC)*: Tỉnh đạt 13,44/14,5 điểm, xếp vị thứ 19/63 tỉnh, thành phố bị trừ 1,06 điểm tại 05 TCTP:

+ TCTP 3.2.3 “Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC” đánh giá 0,5/1 điểm do qua kiểm tra, một số đơn vị hành chính cấp xã chưa thường xuyên cập nhật nội dung TTHC mới.

+TCTP 3.2.4 “Công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh và Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị” đánh giá 1/1,5 điểm do trên website của huyện Quảng Điền các TTHC công khai đều được cập nhật lần cuối từ năm 2013. Đến nay, đã 5 năm nhưng không có cập nhật mới (lĩnh vực nông nghiệp không có thông tin về TTHC).

+ TCTP 3.4.1 “Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn” đánh giá 0,98/1,0 điểm do trong năm có 111.822/113.880 hồ sơ được giải quyết đúng hạn;

+ TCTP 3.4.2 “Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn” đánh giá 0,96/1,0 điểm do trong năm có 161.540/161.649 hồ sơ được giải quyết đúng hạn;

+ TCTP 3.4.3 “Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn” đánh giá 0,99/1,0 do trong năm có 445.965/447.886 hồ sơ được giải quyết đúng hạn.

d) *Lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy nhà nước*: Tỉnh đạt 6/6,5 điểm, xếp nhóm dẫn đầu, thứ 8/63 tỉnh, thành phố, bị trừ 0,5 điểm tại TCTP 4.1.2 “Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính”, do vẫn còn tình trạng phòng thuộc sở chưa đảm bảo về cơ cấu, số lượng lãnh đạo (ví dụ một số phòng thuộc Sở có số lượng lãnh đạo nhiều hơn hoặc bằng số lượng chuyên viên).

đ) *Lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức*: Tỉnh đạt điểm thấp 6,25/10 điểm, xếp vị thứ 46/63 tỉnh, thành phố, bị trừ 3,75 điểm tại 06 TCTP:

+ TCTP 5.1.1 “Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt” đạt 0,25/1 điểm. Do tỉnh chưa hoàn thành việc xây dựng, phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm đối với công chức trên cơ sở danh mục vị trí việc làm được Bộ Nội vụ phê duyệt. Tính đến hết năm 2017, cả nước có 39/63 tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ này.

+ TCTP 5.1.2 “Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo

đúng vị trí việc làm được phê duyệt” đạt 0/1 điểm. Do Tỉnh chưa phê duyệt vị trí việc làm và khung năng lực cho các đơn vị sự nghiệp công lập (Chính phủ đã phân cấp phê duyệt cho địa phương theo Nghị quyết 89/NQ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ). Toàn quốc chỉ có 22/63 địa phương hoàn thành nhiệm vụ này.

+ Tiêu chí 5.4 “Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo các cơ quan hành chính” đạt 2/3 điểm. Do trong năm 2017, đã phát hiện một số sai phạm trong bổ nhiệm lãnh đạo cấp phòng ở huyện A Lưới.

+ Tiêu chí 5.5.2 “Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức” đạt 0/0,5 điểm. Do trong năm 2017, tỉnh có 198 cán bộ, công chức viên chức bị kỷ luật, trong đó: Khiển trách: 22 cán bộ, công chức, 148 viên chức; Cảnh cáo: 09 cán bộ, công chức, 9 viên chức; Cách chức: 01 cán bộ, công chức, 01 viên chức; Buộc thôi việc: 02 cán bộ, công chức, 05 viên chức; Bãi miễn 01 cán bộ.

+ TCTP 5.7.1 “Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã” đạt 0,25/0,5 điểm. Tỉnh có 99,0% công chức cấp xã đạt chuẩn, chưa đáp ứng được yêu cầu 100% của TCTP.

+ TCTP 5.7.2 “Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã” đạt 0,25/0,5 điểm. Tỉnh có 94,2% cán bộ cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, chưa đáp ứng được yêu cầu 100% của TCTP.

*e) Lĩnh vực cải cách tài chính công:* Tỉnh đạt 1/4 điểm, xếp vị thứ 61/63 tỉnh, thành phố, bị trừ 3 điểm tại 03 TCTP:

+ TCTP 6.1 “Thực hiện cơ cấu tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính” đạt 0/1 điểm, do tỉnh có số lượng đơn vị cấp huyện thực hiện tự chủ là 196/201, chưa đạt yêu cầu 100% của TCTP.

+ TCTP 6.2.1 “Số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên” đạt 0/1 điểm. Do tỉnh chưa đạt yêu cầu về số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên của năm sau (năm báo cáo) phải cao hơn năm trước.

+ TCTP 6.2.2 “Số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên” đạt 0/1 điểm. Do chưa có báo cáo số lượng đơn vị tăng thêm trong năm 2017 so với năm trước.

*g) Lĩnh vực hiện đại hóa hành chính:* Tỉnh đạt 9/12 điểm, xếp vị thứ 6/63 tỉnh, thành phố bị trừ 3 điểm tại 07 TCTP:

+ TCTP 7.1.1 “Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT” đạt 0,8261/1 điểm. Do tỉnh có 12/23 nhiệm vụ hoàn thành trong năm 2017.

+ TCTP 7.2.2 “Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3” đạt 0,69/1 điểm do tỉnh có số TTHC mức độ 3 là 164, số lượng TTHC có phát sinh hồ sơ là 139 TTHC.

+ TCTP 7.2.3 “Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4” bị

đánh giá 0/1 điểm. Tỉnh chưa đáp ứng được yêu cầu, có dưới 10% số lượng hồ sơ tiếp nhận được xử lý trực tuyến ở mức độ 4.

+ TCTP 7.3.1 “Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích” bị đánh giá 0/0,5 điểm. Do có 10/947 TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ, đạt tỷ lệ 1,05%, không đạt yêu cầu của TCTP.

+ TCTP 7.3.2 “Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích” được đánh giá 0,97/1 điểm. Do trong năm tỉnh tiếp nhận 15.987/162.006 hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích.

+ TCTP 7.4.3 “Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định” đạt 0/1 điểm. Do tỉnh có 03/30 cơ quan đơn vị chưa thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định.

*h) Lĩnh vực tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh:* Tỉnh đạt 2,5/3,5 điểm, xếp vị thứ 31/63 tỉnh, thành phố (có 05 tỉnh, thành phố cùng vị thứ), bị trừ 1 điểm tại TCTP 8.2.2 “Tỷ lệ doanh nghiệp được thành lập mới trong năm” đạt 0/1 điểm. Do tỷ lệ doanh nghiệp được thành lập mới trong năm tăng 4% (chưa đảm trên 30%) so với năm trước.

*i) Đánh giá tác động của CCHC (điều tra XHH) đạt điểm mức thấp (28,31/34,5 điểm). Trong đó:*

+ Khảo sát đánh giá 479 người dân, doanh nghiệp, với mức độ hài lòng bình quân chung về phục vụ hành chính là 81,35% xếp thứ 27/63 tỉnh, thành phố, tuy nhiên vẫn đạt điểm tối đa 12/12 điểm.

+ Khảo sát đánh giá 161 công chức, lãnh đạo quản lý (gồm 30 đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, 61 lãnh đạo cấp Sở, 59 lãnh đạo cấp phòng thuộc Sở, 11 lãnh đạo cấp huyện), có mức độ hài lòng bình quân chung là 75,2%, đạt 16,31/22,5 điểm, xếp thứ 35/63 tỉnh, thành phố, trong đó:

\* Đại biểu HĐND tỉnh có mức độ hài lòng bình quân là 76,3% (có 20/30 đại biểu HĐND đánh giá hài lòng thấp dưới 80%);

\* Lãnh đạo cấp sở có mức độ hài lòng bình quân là 77,5% (có 38/61 lãnh đạo cấp sở đánh giá hài lòng thấp dưới 80%);

\* Lãnh đạo phòng thuộc sở có mức độ hài lòng bình quân là 73,1% (có 41/59 lãnh đạo phòng đánh giá hài lòng thấp dưới 80%);

\* Lãnh đạo cấp huyện có mức độ hài lòng bình quân là 71,3% (8/11 lãnh đạo cấp huyện đánh giá hài lòng thấp dưới 80%).

\* Kết quả khảo sát, được đánh giá thấp nhất là tính hiệu quả trong việc thực thi chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính ở đại phương (mức độ hài lòng chỉ đạt 60% ở đại biểu HĐND tỉnh, 57% ở lãnh đạo cấp sở, 52,1% ở lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và 59,1% ở lãnh đạo cấp huyện).

## **II. KẾ HOẠCH NÂNG CAO VỊ TRÍ XẾP HẠNG PAR INDEX:**

## **1. Mục tiêu:**

### **a) Mục tiêu chung:**

Hoàn thành mục tiêu của Kế hoạch CCHC giai đoạn 2016-2020 của UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 31/3/2016.

### **b) Mục tiêu cụ thể:**

Phân đầu vị thứ chỉ số CCHC của tỉnh năm 2018 tiếp tục nằm trong nhóm 15 tỉnh, thành phố có kết quả tốt nhất của cả nước.

## **2. Nhiệm vụ:**

### **a) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố:**

- Căn cứ kế hoạch CCHC giai đoạn 2016 – 2020 và kế hoạch cải cách hành chính năm 2018 của tỉnh và tình hình thực tiễn của đơn vị, địa phương xác định rõ những nhiệm vụ trọng tâm, những giải pháp chủ yếu để triển khai thực hiện.

- Xác định trách nhiệm của từng đơn vị, cơ quan để triển khai có chất lượng, đúng tiến độ các TCTP: 1.4.1; 1.4.2; 1.6; 2.2; 2.3; 3.2; 3.3; 3.4; 5.1; 5.2; 5.3; 5.4; 5.7; 7.2; 7.3; 7.4.3.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng các giải pháp cụ thể để nâng cao điểm số các TCTP: 5.7.1; 5.7.2

### **b) Sở Nội vụ:**

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các kế hoạch (trước ngày 20/12/2018) về: Cải cách hành chính năm 2019; kiểm tra công tác CCHC năm 2019; tinh giản biên chế năm 2019; đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2019;

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các báo cáo: Báo cáo định kỳ về CCHC, gửi đến Bộ Nội vụ (báo cáo quý I, trước ngày 15/3; 6 tháng đầu năm, trước ngày 15/6; quý III, trước ngày 15/9; năm, trước ngày 10/12); và các báo cáo bố trí công chức, viên chức theo vị trí việc làm năm 2018; kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức năm 2018; kết quả tinh giản biên chế năm 2018; kết quả đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2018; số lượng, chất lượng cán bộ, công chức cấp xã năm 2018; tình hình thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông 2018 (trong quý IV/2018)

- Tham mưu UBND tỉnh phê duyệt: Bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm đối với công chức theo danh mục đã được Bộ Nội vụ phê duyệt; Quy định vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc đối với các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ (trong năm 2018).

- Tổng hợp: Các văn bản quy phạm pháp luật về tình hình phân cấp quản lý công vụ, cán bộ, công chức, viên chức; các văn bản liên quan đến công tác: Tuyển dụng công chức tại các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp; thi nâng

ngạch ngạch công chức thuộc thẩm quyền của tỉnh; thi/xét thăng hạng viên chức; bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp sở và tương đương trong năm 2018; các văn bản công nhận sáng kiến trong công tác CCHC được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Tổng hợp các kế hoạch đã ban hành trong năm 2018: Kế hoạch Cải cách hành chính năm 2018; kế hoạch kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện năm 2018; kế hoạch kiểm tra về tình hình phân cấp quản lý về tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức; kiểm tra phân cấp quản lý các hoạt động sự nghiệp, dịch vụ công trên địa bàn tỉnh năm 2018; kế hoạch tinh giản biên chế năm 2018; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2018.

- Xây dựng các kế hoạch: Kiểm tra công tác kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện năm 2019; kiểm tra về tình hình phân cấp quản lý về tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức; kiểm tra về phân cấp quản lý các hoạt động sự nghiệp, dịch vụ công trên địa bàn tỉnh năm 2019 (trước ngày 31/12/2018).

- Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định, chấm điểm chỉ số CCHC của tỉnh năm 2018 (tháng 12/2018).

- Xây dựng các giải pháp cụ thể để nâng cao điểm số các TCTP: 4.1.2; 5.1.1; 5.1.2; 5.4; 5.7.1; 5.7.2.

#### c) Sở Khoa học và Công nghệ:

- Tham mưu UBND tỉnh báo cáo về việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính của tỉnh năm 2018 (đảm bảo tỷ lệ 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện công bố và duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo quy định; riêng cấp xã đảm bảo tỷ lệ trên 70% số đơn vị được công bố; tổng hợp các quyết định công bố đạt chuẩn ISO) (trong tháng 12/2018).

- Xây dựng các giải pháp cụ thể để nâng cao điểm số các TCTP: 7.4.3

#### d) Sở Tài chính:

- Tổng hợp gửi Sở Nội vụ: Các văn bản quy phạm pháp luật về tình hình phân cấp: Quản lý ngân sách nhà nước; thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và phân vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp; kế hoạch kiểm tra về tình hình phân cấp quản lý về ngân sách nhà nước năm 2018 (đảm bảo kế hoạch có trên 30% cơ quan, đơn vị được kiểm tra và kế hoạch đã được ban hành trong tháng 12/2017).

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra về tình hình phân cấp quản lý về ngân sách nhà nước năm 2019 (đảm bảo kế hoạch có trên 30% cơ quan, đơn vị được kiểm tra và kế hoạch được ban hành trong tháng 12/2018).

- Xây dựng báo cáo: Về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính (theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ); cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh (đảm bảo 100% số đơn vị đã

triển khai và số lượng đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên của năm 2018 phải cao hơn năm 2017); số lượng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh đủ điều kiện vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ (đảm bảo tỷ lệ 100% số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt Đề án trong năm 2018) (Báo cáo và các văn bản liên quan gửi về Sở Nội vụ trước ngày 25/11/2018).

- Báo cáo UBND tỉnh kết quả kiểm tra tình hình phân cấp quản lý ngân sách nhà nước năm 2018 (đảm bảo thực hiện 100% kế hoạch và các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý) (trong tháng 12/2018).

- Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu việc bố trí kinh phí CCHC cho từng nhiệm vụ cụ thể tại Kế hoạch CCHC năm 2019 của UBND tỉnh (trước ngày 25/11/2018).

- Báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện kinh phí CCHC năm 2018 để báo cáo Bộ Nội vụ (thông qua Sở Nội vụ trước ngày 25/11/2018).

- Xây dựng các giải pháp cụ thể để nâng cao điểm số các TCTP: 6.1; 6.2.1; 6.2.2.

#### đ) Sở Thông tin và Truyền thông:

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các kế hoạch: Tuyên truyền CCHC năm 2019; ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của tỉnh năm 2019 (trong tháng 12/2018).

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành báo cáo: Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2018 (có đánh giá mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC) (trước ngày 25/11/2018); các báo cáo định kỳ về kết quả ứng dụng CNTT, gửi đến Bộ Thông tin và Truyền thông (báo cáo quý I, trước ngày 10/3; quý II, trước ngày 10/6; quý III, trước ngày 10/9; năm, trước ngày 05/12); kết quả ứng dụng CNTT năm 2017 (Có nêu rõ: Hoàn thành 100% các nhiệm vụ đã nêu tại kế hoạch năm 2018; 100% số văn bản đi được phát hành dưới dạng điện tử so với tổng số văn bản đi của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; tình hình kết nối liên thông phần mềm quản lý văn bản từ cấp tỉnh đến cấp xã; tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến ở mức độ 3 trên 40% so với tổng số hồ sơ tiếp nhận; tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến ở mức độ 4 trên 30% so với tổng số hồ sơ tiếp nhận; tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI trên 70% so với tổng số TTHC đang triển khai qua dịch vụ BCCI);

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành: Kiến trúc Chính quyền điện tử (đảm bảo ban hành và cập nhật thường xuyên trong năm 2018); quy định về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (đảm bảo thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ) (ban hành trong năm 2018).

- Xây dựng các giải pháp cụ thể để nâng cao điểm số các TCTP: 1.2; 7.1.1; 7.2.2; 7.2.3; 7.3.1; 7.3.2.

#### e) Sở Tư pháp:

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các kế hoạch (trong tháng 12/2018): Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VB QPPL) năm 2019; theo dõi thi hành pháp luật năm 2019; rà soát, hệ thống hóa VB QPPL năm 2019; kiểm tra, xử lý VB QPPL năm 2019;

- Tham mưu UBND tỉnh các báo cáo: Kết quả xây dựng VB QPPL năm 2018 (trong tháng 12/2018); kết quả theo dõi thi hành pháp luật (trước ngày 15/10/2018); kết quả rà soát, hệ thống hóa VB QPPL năm 2018 (trước ngày 15/01/2018); kết quả công tác kiểm tra, xử lý VB QPPL năm 2018 (trước ngày 15/01/2019).

- Tổng hợp các văn bản gửi Sở Nội vụ: Các Kế hoạch (đã ban hành trong tháng 12/2017): Xây dựng VB QPPL năm 2018; theo dõi thi hành pháp luật năm 2018; rà soát, hệ thống hóa VB QPPL năm 2018; kiểm tra, xử lý VB QPPL năm 2018.

- Xây dựng các giải pháp cụ thể để nâng cao điểm số TCTP 2.3.

g) Văn phòng UBND tỉnh:

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2019 (trong tháng 12/2018);

- Tham mưu UBND tỉnh các báo cáo: kết quả thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2018; tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát TTHC năm 2018.

- Tổng hợp các văn bản gửi Sở Nội vụ: Các quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2018 (đã ban hành trong tháng 12/2017).

- Xây dựng các giải pháp cụ thể để nâng cao điểm số các TCTP: 1.6; 3.2.3; 3.2.4.

h) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Tổng hợp gửi Sở Nội vụ: Các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành về tình hình phân cấp quản lý đầu tư (đối với đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ); kế hoạch kiểm tra về tình hình phân cấp quản lý đầu tư năm 2018 (đảm bảo kế hoạch có trên 30% cơ quan, đơn vị được kiểm tra và kế hoạch đã được ban hành trong tháng 12/2018).

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra về tình hình phân cấp quản lý đầu tư năm 2019 (đảm bảo kế hoạch có trên 30% cơ quan, đơn vị được kiểm tra và kế hoạch được ban hành trong tháng 12/2018).

- Báo cáo UBND tỉnh kết quả: Kiểm tra về tình hình phân cấp quản lý đầu tư năm 2018 (trong tháng 12/2018); kết quả tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 (lưu ý các nội dung: Số vốn thu hút đầu tư trong năm 2018 cao hơn so với năm 2017; số doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2018 phải tăng trên 30% so với năm 2017) (trong tháng 12/2018).

- Xây dựng các giải pháp cụ thể để nâng cao điểm số TCTP 8.2.2.

i) Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Tổng hợp gửi Sở Nội vụ: Các văn bản quy phạm pháp luật về tình hình phân cấp quản lý đất đai; kế hoạch kiểm tra về tình hình phân cấp quản lý đất đai năm 2018 (đảm bảo kế hoạch có trên 30% cơ quan, đơn vị được kiểm tra và kế hoạch đã được ban hành trong tháng 12/2017).

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra về tình hình phân cấp quản lý đất đai, tài nguyên, tài sản nhà nước năm 2019 (đảm bảo kế hoạch có trên 30% cơ quan, đơn vị được kiểm tra và kế hoạch được ban hành trong tháng 12/2018).

- Báo cáo UBND tỉnh kết quả kiểm tra tình hình phân cấp quản lý đất đai năm 2018 (đảm bảo thực hiện 100% kế hoạch và các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý) (trong tháng 12/2018).

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Cụ thể hóa các TCTP để chủ động thực hiện tại cơ quan, đơn vị mình; chỉ đạo, đôn đốc triển khai thực hiện đối với các đơn vị trực thuộc, định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (tại báo cáo công tác CCHC).

2. Các Sở: Nội vụ, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế:

- Ban hành hoặc tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản theo đúng nhiệm vụ đã nêu.

- Báo cáo các nhiệm vụ tự đánh giá chấm điểm chỉ số CCHC của tỉnh năm 2018 cho UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) trước ngày **15/12/2018**.

- Phối hợp với Sở Nội vụ trong công tác tự đánh giá, chấm điểm chỉ số CCHC của tỉnh hàng năm theo đúng quy định.

3. Sở Nội vụ tổng hợp, theo dõi tình hình thực hiện Kế hoạch nâng cao điểm số trong chấm điểm chỉ số CCHC của tỉnh hàng năm; báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý những đơn vị, địa phương không thực hiện hoặc chậm thực hiện những nhiệm vụ đã nêu tại Kế hoạch./.

#### ***Nơi nhận:***

- TV Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế;
- Lãnh đạo VP và các CV;
- Lưu: VT, CCHC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phan Ngọc Thọ**

**ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG (MĐHL)  
CỦA CÔNG CHỨC, LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ NĂM 2017**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 126 /KH-UBND ngày 18 /6/2018 của UBND tỉnh)*

<b>ĐƠN VỊ</b>	<b>CHỨC VỤ</b>	<b>SỐ LƯỢNG</b>	<b>MĐHL cao (từ 80% trở lên)</b>	<b>MĐHL thấp (dưới 80%)</b>	
Ban Dân tộc	Lãnh đạo Ban	2	90,5		
			95,2		
	Lãnh đạo phòng thuộc Ban	3		65,0 76,3 76,3	
Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh	Lãnh đạo Ban	3		64,3 67,9 77,4	
			Lãnh đạo phòng thuộc Ban	3	63,8 65,0 68,8
Sở Công thương	Lãnh đạo Sở	3	91,7	61,9 71,4 73,8	
			Lãnh đạo phòng thuộc Sở	3	46,3 68,8
Sở Du lịch	Lãnh đạo Sở	2	95,2 98,8		
	Lãnh đạo phòng thuộc Sở	0			
Sở Giáo dục và đào tạo	Lãnh đạo Sở	3	88,1	54,8 67,9	
			Lãnh đạo phòng thuộc Sở	3	81,3 66,3 76,4
Sở Giao thông vận tải	Lãnh đạo Sở	3	91,7	50,0 75,0	

	Lãnh đạo phòng thuộc Sở	3		56,3
				60,0
				72,5
Sở Kế hoạch và đầu tư	Lãnh đạo Sở	3	85,7	
			90,5	
				71,4
	Lãnh đạo phòng thuộc Sở	3	91,3	51,3
				60,0
Sở Khoa học và công nghệ	Lãnh đạo Sở	3		78,6
				78,6
				78,6
	Lãnh đạo phòng thuộc Sở	3		50,0
				68,8
				78,8
Sở Lao động thương binh và xã hội	Lãnh đạo Sở	3		69,0
				75,0
				77,4
	Lãnh đạo phòng thuộc Sở	3	80,0	76,3
				78,8
Sở Ngoại vụ	Lãnh đạo Sở	3		59,5
				71,4
				71,4
	Lãnh đạo phòng thuộc Sở	3	83,8	61,3
				77,5
Sở Nội vụ	Lãnh đạo Sở	3	100,0	
			97,6	
			98,8	
	Lãnh đạo phòng thuộc Sở	3	98,8	
			100,0	
			100,0	
Sở Nông nghiệp và PTNT	Lãnh đạo Sở	3	83,3	
				56,0
				78,6

	Lãnh đạo phòng thuộc Sở	3	88,8	
				62,5
				68,8
Sở Tài chính	Lãnh đạo Sở	3	88,1	
				65,5
				70,2
	Lãnh đạo phòng thuộc Sở	3	85,0	
				51,3
				66,3
Sở Tài nguyên và môi trường	Lãnh đạo Sở	3		76,2
				77,4
				79,8
	Lãnh đạo phòng thuộc Sở	3		73,8
				76,3
			77,5	
Sở Thông tin và Truyền thông	Lãnh đạo Sở	3	83,3	
				73,8
				79,8
	Lãnh đạo phòng thuộc Sở	3	80,0	
				84,2
			85,0	
Sở Tư pháp	Lãnh đạo Sở	3	91,7	
				95,2
				58,3
	Lãnh đạo phòng thuộc Sở	3	83,8	
				95,0
			45,0	
Sở Văn hóa và thể thao	Lãnh đạo Sở	3	85,7	
				90,5
				60,7
	Lãnh đạo phòng thuộc Sở	3	82,5	
			75,0	
			78,8	
Sở Xây dựng	Lãnh đạo Sở	3	82,1	
				77,4
				78,6

	Lãnh đạo phòng thuộc Sở	3	86,3	61,3
				63,8
Sở Y tế	Lãnh đạo Sở	3		70,2
				72,6
				70,2
	Lãnh đạo phòng thuộc Sở	3	86,3	71,3
				77,5
Thanh tra tỉnh	Lãnh đạo Thanh tra	3	89,3	78,6
				79,8
	Lãnh đạo phòng thuộc Thanh tra	3	83,8	55,0
				65,0
Ngân hàng Nhà nước tỉnh	Lãnh đạo Ngân hàng	3		56,0
				64,3
				70,2
	Lãnh đạo phòng thuộc Ngân hàng	2		63,8
				66,3
Lãnh đạo UBND cấp huyện	UBND Thành phố Huế	2		62,5
				61,4
	UBND huyện Phú Lộc	3	92,0	67,0
				50,0
	UBND huyện Phú Vang	3	81,8	
			87,5	79,5
	UBND huyện Phong Điền	3		60,2
				67,0
			75,0	
Đại biểu HĐND tỉnh	Lãnh đạo UBND tỉnh	4	100,0	
			100,0	
			100,0	
			100,0	
	Lãnh đạo HĐND tỉnh	3	83,8	64,7

			67,6
			61,8
	Lãnh đạo Ban	4	64,7
			64,7
			67,6
			80,9
			85,3
			95,6
	Ủy viên Ban	9	69,1
			69,1
			72,1
			72,1
			73,5
			79,4
			83,8
			92,6
			50,0
			64,7
	Đại biểu	10	66,2
			66,2
			70,6
			70,6
			75,0
			76,5
<b>Số lượng</b>		<b>161</b>	<b>52</b>
<b>Bình quân chung</b>		<b>75,2</b>	<b>89,8</b>
			<b>68,3</b>